TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

- Đại diện VKSND huyệnVũ Thư: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLST - HNGĐ ngày 23/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).
- Bị đơn: Anh **Phạm Duy H**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Trần Thị N) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Phạm Duy H, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 29/4/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà chửi bới đánh đập chị. Sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên ngăn nhưng vẫn không tiếp tục chung sống được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Chị N phải đưa các con về sinh sống tại nhà anh trai ở cùng thôn. Nay chị N xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn nên xin được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có 04 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 27/6/1999, Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013, ly hôn tôi xin 03 nuôi con chung là Phạm Thị H2, Phạm Thị Thu

Q, Phạm Duy Q1, và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì anh H không có công việc và thu nhập ổn định. Con chung Phạm Thị H1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giao nuôi con.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Duy H trình bày: Anh kết hôn với chị N do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 29/4/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và xẩy ra đánh cãi chửi nhau một vài lần, có lần anh đã bị xử phạt hành chính. Vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Nay chị N xin ly hôn thì anh không quan tâm, việc này do chị N quyết định, chị N có quay về thì anh cũng đuổi.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có có 04 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 27/6/1999, Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh UBND xã T, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị N kết hôn với anh Phạm Duy H, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V ngày 29/4/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà chửi bới đánh đập vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Chị N phải đưa các con về sinh sống tại nhà anh trai ở cùng thôn. Nay chị N xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh H có 04 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 27/6/1999, Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013. Con chung Phạm Thị H1 đã trên 18 tuổi .

Chị N hiện làm công nhân có thu nhập ổn định, lại được sự hỗ trợ của anh em chị N về kinh tế và chỗ ở cũng như giúp đỡ trong việc trông nom chăm sóc các con. Anh H lao động tự do thu nhập không ổn định, ai thuê thì làm, không có việc thì nghỉ, anh H lại thường xuyên uống rượu, gia đình anh H không có điều kiện hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy đề nghị Tòa án giao cả 3 con chung Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị N và anh H có 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích khoảng 40m^2 tại thôn B, xã T, huyện V, ngoài ra anh chị có tài sản gì khác thì địa phương không nắm được, anh chị không vay nợ chung tổ chức nào tại địa phương. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Phạm Duy H.
- Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi 03 con chung Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung : Chị N và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh H cư trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Phạm Duy H, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V ngày 29/4/1998 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà chửi bới đánh đập chị. Sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên ngăn nhưng vẫn không tiếp tục chung sống được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Chị N phải đưa các con về sinh sống tại nhà anh trai ở cùng thôn. Anh H không tìm, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị N xin ly hôn thì anh không quan tâm, việc này do chị N quyết định, chị N có quay về thì anh cũng đuổi.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị Nụ và anh Hiển có 04 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 27/6/1999, Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013. Con chung Phạm Thị H1 đã trên 18 tuổi .

Chị N hiện làm công nhân có thu nhập ổn định, lại được sự hỗ trợ của anh em chị N về kinh tế và chỗ ở cũng như giúp đỡ trong việc trông nom chăm sóc các con. Anh H lao động tự do thu nhập không ổn định, ai thuê thì làm, không có việc thì nghỉ, anh H lại thường xuyên uống rượu, gia đình anh H không có điều kiện hỗ trợ trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Các con Phạm Thị H2, Phạm Thị Thu Q, Phạm Duy Q1 đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy

để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cuộc sống của con chung cần giao cho chị N trực tiếp nuôi 03 con chung là Phạm Thị H2, Phạm Thị Thu Q, Phạm Duy Q1. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Xét thấy chị N và anh H không yêu cầu, vì vậy không đặt ra giải quyết .

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Phạm Duy H.

2/ Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi 03 con chung Phạm Thị H2, sinh ngày 07/12/2005, Phạm Thị Thu Q, sinh ngày 08/5/2011, Phạm Duy Q1, sinh ngày 28/3/2013, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Duy H có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị N và anh Phạm Duy H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Trần Thị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0001056 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã T, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng